

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 404/2024/DS-PT
Ngày: 09/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng thi
công xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đức
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh
Bà Phạm Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Diệp Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/DSPT ngày
16 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án
nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1314/2024/QĐ-PT
ngày 14/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4711/2024/QĐ-PT ngày
12/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Triệu T**, sinh năm 1963. (có mặt)
Địa chỉ: số C đường N, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: **Công ty cổ phần T1**. (vắng mặt)
Trụ sở: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức K. (vắng mặt)
Địa chỉ: số D Đường số B, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người kháng cáo: nguyên đơn - ông Triệu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/4/2020 ông Triệu T và Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty
T1) do ông Lê Đức K là giám đốc đại diện ký Hợp đồng xây dựng phần thô và

nhân công hoàn thiện số 06/HĐTCXD-2020 với nội dung chính: Công ty T1 nhận thi công xây dựng phần thô và nhân công hoàn thiện công trình nhà ở dân dụng kiên cố tại số G đường H, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời gian thi công 270 ngày với giá trị phần xây dựng là: $468\text{m}^2 \times 3.300.000 \text{ đồng/ m}^2 = 1.544.000.000 \text{ đồng}$ (Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng), công việc thi công và vật tư nhân công được quy định chi tiết tại Điều 1 của Hợp đồng.

Ngay sau khi ký hợp đồng, từ ngày 07/4/2020 đến ngày 18/12/2020, ông T đã 14 (mười bốn) lần chuyển khoản thanh toán cho Công ty T1 thông qua tài khoản của ông K (tài khoản 85120299 tại Ngân hàng A). Tổng số tiền chuyển khoản là 1.212.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười hai triệu đồng).

Quá trình thực hiện, Công ty Cổ phần T1 đã vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký giữa hai bên. Cụ thể:

- Về tiến độ thi công: Theo Điều 2 của Hợp đồng thì thời gian thi công là 270 ngày kể từ ngày 12/5/2020, ngày hoàn thành là ngày 27/01/2021. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Công ty T1 chưa thi xong phần thô và đã ngưng thi công.

- Về chất lượng công trình: Công ty T1 thi công không đảm bảo chất lượng, một số hạng mục đổ bê tông không có độ kết dính, trần mái bị nứt nẻ, khi trời mưa nước chảy qua khe nứt trần xuống nền nhà (đã được Thừa phát lại Quận E ghi nhận bằng Vi bằng).

- Vật liệu xây dựng: Công ty T1 sử dụng vật liệu kém chất lượng, không đúng chủng loại được quy định trong hợp đồng dẫn đến nứt nẻ nhiều.

Mặc dù đã nhiều lần gọi điện và trao đổi với ông K đại diện giám đốc của Công ty T1, nhưng ông K vẫn không có động thái tích cực khắc phục hậu quả. Vì vậy ông Triệu T khởi kiện Công ty T1 với các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần T1 do ông Lê Đức K làm đại diện bồi thường thiệt hại trễ tiến độ là: $1.544.000.000 \text{ đồng} \times 0.1\%/\text{ngày} \times 306 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày 12/4/2021 là 75 ngày) = 112.800.000 đồng, và bồi thường chi phí lập vi bằng là 6.000.000 đồng. Tổng cộng 121.800.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng).

2. Yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần T1 do ông Lê Đức K làm đại diện phải đập bỏ, tháo dỡ phần bê tông mái nhà đã thi công kém chất lượng thi công lại với chi phí tự bỏ ra và tiếp tục thi công hoàn chỉnh công trình với kỹ thuật, nguyên vật liệu đảm bảo chất lượng.

3. Trong trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần T1 do ông Lê Đức K làm đại diện không khắc phục hậu quả do thi công xây dựng không đạt chất lượng hoặc không muốn tiếp tục thi công thì buộc bị đơn Công ty Cổ phần T1 do ông Lê Đức K làm đại diện phải hoàn trả số tiền đã thanh toán vào tài khoản của ông K là 1.212.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm mười hai triệu đồng).

Ông Triệu T đề nghị Toà án căn cứ vào Hợp đồng để giải quyết, không đồng ý giám định cũng như không đồng ý đóng tạm ứng chi phí giám định để xác định về chất lượng, giá trị khối lượng xây dựng mà bị đơn đã thi công và chưa thi công.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung thêm yêu cầu:

- Buộc bị đơn Công ty T1 phải trả lại tiền tạm ứng hợp đồng còn dư là 594.400.000 đồng vì theo nguyên đơn thì bị đơn mới thi công được 40% khối lượng công trình tương đương 617.000.000 đồng nhưng đã ứng 1.212.000.000 đồng nên phải trả lại phần đã ứng dư.

- Buộc bị đơn phải bồi thường 250.128.000 đồng đối với phần công trình chưa hoàn thành, được tính trên phần giá trị công trình chưa hoàn thành tương ứng với tổng số ngày chưa hoàn thành là 162 ngày.

Phía bị đơn trình bày:

Công ty Cổ phần T1 do ông làm đại diện có ký Hợp đồng thi công xây dựng với ông Triệu T.

1. Về tiến độ thi công:

Trong quá trình thi công do nhiều căn nhà liền kề bị ảnh hưởng nên phát sinh ra rất nhiều khó khăn:

- Công ty T1 đã phải bỏ ra kinh phí chi trả giải quyết bồi thường cho các hộ liền kề 60.000.000 đồng.

- Thời gian thi công luôn bị ngưng do các hộ kế bên khiếu kiện ngừng thi công.

- Thi công trong hẻm rất nhỏ, liên tục bị tranh chấp, thưa gửi của hàng xóm.

- Thời gian chờ đổi giấy phép xây dựng nên công trình phải tạm ngưng thi công chờ giấy phép.

Vì vậy, hai bên có thoả thuận thời gian hoàn thành là hết tháng 5/2021.

Từ những nguyên nhân khách quan trên và một số nguyên nhân chủ quan khó khăn của doanh nghiệp nên công trình đã không hoàn thành tốt về tiến độ. Dựa trên việc đánh giá các yếu tố và thoả thuận cuối cùng về thời gian hoàn thành hợp đồng, ông thấy việc nguyên đơn ông Triệu T yêu cầu phạt theo điều khoản của hợp đồng là ý chí chủ quan mà không xem xét đến diễn biến thực tế đã xảy ra.

2. Về sự có bê tông:

Việc ông Triệu T phản ánh bê tông kém chất lượng nên bị nứt, thực chất là do rỗ bê tông chứ không phải nứt trong kỹ thuật xây dựng. Trường hợp này có

hiều cách vá bê tông theo tiêu chuẩn. Công ty T1 sẽ thực hiện sau khi đưa ra một vài giải pháp tiêu chuẩn.

3. Về thực hiện tiếp hợp đồng:

Công ty T1 đồng ý với đề xuất như ban đầu đã đưa ra mà ông Triệu T đã từng không đồng ý và khoá cửa công trình không cho thi công tiếp. Nay Công ty T1 đề nghị lại, Công ty T1 lo trang trải nguồn tiền vật tư cho công trình. Ông T giải quyết khoản tạm ứng tương đương lương thợ trong tuần để thuận lợi thi công. Mong nhận được sự hợp tác từ phía ông T để Công ty T1 hoàn thành hợp đồng trên cơ sở thông cảm hoàn cảnh doanh nghiệp đang rất khó khăn.

Tại Bản án sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu T:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần T1 phải bồi thường thiệt hại do trễ tiến độ là 1.494.592.000 đồng và bồi thường chi phí lập vi bằng là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 1.500.592.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần T1 phải đập bỏ, tháo dỡ phần bê tông mái của nhà số G đường H, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh và sau khi đã đập bỏ khắc phục sửa chữa xong thì tiến hành thi công hoàn thành công trình.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần T1 phải trả lại số tiền đã tạm ứng 1.212.000.000 đồng do không đập bỏ, tháo dỡ phần bê tông mái nhà và sửa chữa đảm bảo chất lượng với chi phí tự bỏ ra hoặc không tiếp tục thi công hoàn thiện công trình.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02/10/2023, nguyên đơn - ông Triệu T có Đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị hủy án sơ thẩm, xét xử lại vụ án, yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định để xác định chất lượng công trình, giá trị khối lượng công trình đã thi công và chưa thi công, yêu cầu bị đơn bồi thường do trễ tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng, yêu cầu bị đơn trả lại tiền tạm ứng còn dư do bị đơn bỏ ngang không thi công tiếp.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để tiến hành giám định khối lượng công trình đã thi công và chưa thi công thì mới có cơ sở giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn - ông Triệu T nộp đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 07/4/2020 ông Triệu T và Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty T1) do ông Lê Đức K là giám đốc đại diện ký Hợp đồng xây dựng phần thô và nhân công hoàn thiện số 06/HĐTCXD-2020 với nội dung chính: ông Triệu T giao cho Công ty T1 thi công xây dựng phần thô và nhân công hoàn thiện công trình nhà ở dân dụng kiên cố tại số G đường H, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời gian thi công 270 ngày, giá trị hợp đồng là: $468\text{m}^2 \times 3.300.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.544.000.000 \text{ đồng}$ (Một tỷ năm trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có nội dung và hình thức không trái với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Việc thanh toán theo tiến độ quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, tổng số tiền mà ông T đã thanh toán cho Công ty là 1.212.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản.

Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng: "Thời gian và tiến độ thực hiện: thời gian thi công là 270 ngày kể từ ngày khởi công...Ngày hoàn thành 27/01/2021".

Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, lời khai của nguyên đơn và bị đơn xác định đến nay công trình chưa hoàn thành theo đúng quy định trong hợp đồng.

Căn cứ Điều 7 của Hợp đồng các bên có thoả thuận: "Phạt và bồi thường khi vi phạm thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thi công lắp đặt, nếu do lỗi của bên B (bên thi công) gây ra dẫn đến việc thi công chậm trễ không đúng thời hạn quy định của hợp đồng hoặc trễ tiến độ đã thoả thuận với bên A (chủ đầu tư) thì

Bên B phải chịu xử phạt bằng tiền theo mức phạt 0,1% giá trị hợp đồng phần trễ tiến độ tính cho một ngày chậm trễ".

Như vậy, để có căn cứ giải quyết về vấn đề bồi thường mà nguyên đơn yêu cầu do công trình đến nay chưa hoàn thành, cần phải xác định được phần giá trị hợp đồng bị trễ tiến độ (cụ thể là giá trị khối lượng mà bên thi công chưa hoàn thành). Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu huỷ án sơ thẩm, yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định để xác định chất lượng công trình, giá trị khối lượng công trình đã thi công và chưa thi công. Đây là tình tiết mới.

Do việc xác định chất lượng công trình, giá trị khối lượng công trình đã thi công và chưa thi công chưa được giám định, để vụ án được giải quyết một cách khách quan, xem xét được tất cả các yêu cầu của đương sự, cấp phúc thẩm xét thấy cần phải huỷ án sơ thẩm, giao về cấp sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, huỷ bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thẩm quyền.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do huỷ án sơ thẩm, nên án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu, nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông Triệu T. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh về việc: Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, giữa:

Nguyên đơn: Ông Triệu T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số C đường N, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty cổ phần T1.

Trụ sở: B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức K.

Địa chỉ: số D Đường số B, Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân Quận 3 để giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Án phí dân sự phúc thẩm nguyên đơn không phải chịu, nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên không phải hoàn lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu/22.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Đức